



VNU Journal of Science: Legal Studies

Journal homepage: <https://js.vnu.edu.vn/LS>



Original Article

The Form of Political System in the 1946 Vietnamese Constitution: A Comparison with Several Constitutions in the World

Vu Le Hai Giang*

Ho Chi Minh City University of Law, 2 Nguyen Tat Thanh, District 4, Ho Chi Minh City, Vietnam

Received 24 July 2024

Revised 18 May 2025; Accepted 25 June 2025

Abstract: This article compares the 1946 Constitution with typical contemporary constitutions that represent various forms of government. The result clearly indicates that it is highly unreasonable to attempt to classify the form of government in the 1946 Constitution as a modern form of government. The Constitution of 1946 was influenced by the constitutional ideologies of the late 19th and early 20th centuries, so it may reflect a form of government that may no longer exist in our modern time. On that basis, the article focuses on comparing the form of government in the 1946 Constitution with that of the Soviet Constitution of 1918 and the French Constitution of 1875 to identify its corresponding form of government within the context of its historical era.

Keywords: 1946 constitution, political system, semi-presidential system, parliamentary system.

* Corresponding author.

E-mail address: vlhgiang@hcmulaw.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4680>

Nhận diện hình thức chính thể trong Hiến pháp Việt Nam năm 1946 từ góc nhìn so sánh với một số bản Hiến pháp trên thế giới

Vũ Lê Hải Giang*

*Trường Đại học Luật Thành phố Hồ Chí Minh, 2 Nguyễn Tất Thành, quận 4,
Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Nhận ngày 24 tháng 7 năm 2024

Chỉnh sửa ngày 18 tháng 5 năm 2025; Chấp nhận đăng ngày 25 tháng 6 năm 2025

Tóm tắt: Bài viết so sánh Hiến pháp năm 1946 với các bản Hiến pháp hiện đại điển hình đại diện cho các hình thức chính thể, từ đó cho thấy việc cố xếp hình thức chính thể trong Hiến pháp năm 1946 vào các chính thể hiện đại là rất khiên cưỡng. Hiến pháp năm 1946 chịu ảnh hưởng từ tư tưởng lập hiến cuối thế kỷ 19, đầu thế kỷ 20, nên không lạ nếu mang một hình thức chính thể mà có thể không còn tồn tại ở thời điểm hiện tại. Trên cơ sở đó, bài viết tập trung so sánh hình thức chính thể của Hiến pháp năm 1946, Hiến pháp Liên Xô năm 1918 và Hiến pháp Pháp năm 1875 nhằm nhận diện hình thức chính thể trong Hiến pháp Việt Nam năm 1946 tương ứng với các hình thức chính thể đương thời.

Từ khóa: Hiến pháp 1946, hình thức chính thể, cộng hòa hỗn hợp, cộng hòa đại nghị.

1. Dẫn nhập

Đã gần 80 năm kể từ khi bản Hiến pháp đầu tiên của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa được thông qua, nhưng các nội dung, quy trình, kỹ thuật lập hiến và nhiều giá trị nhân văn, dân chủ của Hiến pháp năm 1946 vẫn còn nguyên giá trị [1]. Từ việc tiếp thu tinh hoa lập hiến thế giới và áp dụng sáng tạo vào tình hình của nước ta lúc bấy giờ, các nhà lập hiến đã xây dựng nên bản Hiến pháp đầu tiên rất độc đáo, vừa mang đặc trưng của nhiều bản hiến pháp đương thời trên thế giới, vừa chứa đựng những nội dung đặc thù vì hoàn cảnh lịch sử của đất nước. Nhưng cũng chính sự độc đáo ấy lại gợi nên một câu hỏi chưa có lời giải thống nhất: Hình thức chính thể trong Hiến pháp năm 1946 là gì?

Quan điểm thứ nhất cho rằng hình thức chính

thể trong Hiến pháp năm 1946, dù có một số điểm đặc thù, được xếp vào cộng hòa lưỡng tính [2, 3]. Quan điểm thứ hai cho rằng hình thức chính thể trong Hiến pháp năm 1946 mang đặc điểm của cả chính thể cộng hòa tổng thống và cộng hòa nghị viện nhưng không hoàn toàn giống với chính thể cộng hòa lưỡng tính hiện đại [4]; thậm chí có tài liệu cho rằng chính thể của Hiến pháp năm 1946 độc đáo không giống với bất kỳ mô hình nào đang tồn tại trên thế giới lúc bấy giờ [5]. Quan điểm thứ ba lại cho rằng hình thức chính thể của Hiến pháp năm 1946 là cộng hòa dân chủ nhân dân [6, 7], tức là một hình thức cộng hòa xã hội chủ nghĩa.

Giữa những quan điểm nêu trên, đâu mới là câu trả lời cuối cùng? Hình thức chính thể trong Hiến pháp năm 1946 là cộng hòa hỗn hợp, hay cộng hòa dân chủ nhân dân? Hay Hiến pháp năm 1946

* Tác giả liên hệ.

Địa chỉ email: vlhgiang@hcmulaw.edu.vn

<https://doi.org/10.25073/2588-1167/vnuls.4680>

đã áp dụng một mô hình mà đến nay không còn tồn tại? Để nhận diện hình thức chính thể của Hiến pháp năm 1946, trong bài viết này tác giả tiến hành so sánh tổ chức chính quyền trung ương, đặc biệt là mối tương quan giữa lập pháp và hành pháp trong Hiến pháp năm 1946 với các chế định tương ứng trong những bản hiến pháp điển hình của các hình thức chính thể trên thế giới, từ những bản hiến pháp hiện đại đến những hiến pháp cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX. Các bản hiến pháp này ít nhiều có thể đã có ảnh hưởng đến Hiến pháp năm 1946.

2. So sánh hình thức chính thể trong Hiến pháp năm 1946 với các chính thể cộng hòa hiện đại

Hình thức chính thể được hiểu là phương thức tổ chức và mối quan hệ giữa các cơ quan nhà nước ở trung ương, mà chủ yếu là mối quan hệ của người đứng đầu nhà nước, nghị viện và chính phủ [8]. Trong khoa học pháp lý, người ta thường chia các hình thức chính thể hiện đại thành chính thể quân chủ và cộng hòa. Trong đó, chính thể cộng hòa thường được phân thành cộng hòa đại nghị, cộng hòa hỗn hợp, cộng hòa tổng thống, cộng hòa Xô-viết [8]. Để làm rõ liệu hình thức chính thể của Hiến pháp năm 1946 có phải là cộng hòa hỗn hợp, hay là một hình thức chính thể hiện đại nào khác, cần so sánh Hiến pháp năm 1946 với các bản hiến pháp hiện đại điển hình như Hiến pháp Đức (cộng hòa đại nghị), Hiến pháp Hoa Kỳ (cộng hòa tổng thống) và Hiến pháp Pháp (cộng hòa hỗn hợp).

Có thể thấy Hiến pháp năm 1946 thiết kế mô hình bộ máy nhà nước trung ương có những nét đặc trưng của cả chính thể cộng hòa tổng thống và cộng hòa đại nghị hiện đại, nhưng cũng chính vì thế nên không thể xếp hình thức chính thể của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa thời kỳ này vào bất kỳ hình thức chính thể nào nói trên. Bởi đặc trưng của mô hình cộng hòa đại nghị là nguyên thủ quốc gia có vị thế yếu, quyền hành pháp tập trung vào tay chính phủ [8]. Trong khi đó, Hiến pháp năm 1946 đã thiết kế Chủ tịch nước nắm quyền hành pháp mạnh mẽ, có khả năng kiểm

soát Nghị viện bằng quyền yêu cầu Nghị viện nhân dân thảo luận lại những luật đã được Nghị viện thông qua (Điều 31). Bên cạnh đó, một đặc trưng của mô hình cộng hòa đại nghị là nguyên thủ quốc gia có quyền giải tán Nghị viện (thường là Hạ viện) theo đề nghị của Thủ tướng trong trường hợp Nghị viện không tín nhiệm Chính phủ (Điều 68 Hiến pháp Đức), nhưng Chủ tịch nước theo Hiến pháp năm 1946 không có quyền này. Chúng ta cũng không thể xếp hình thức chính thể trong Hiến pháp năm 1946 vào mô hình cộng hòa tổng thống. Vì chính thể cộng hòa tổng thống đặc trưng bởi thiết kế kiểm soát và đối trọng quyền lực triệt để giữa lập pháp và hành pháp, vì vậy Tổng thống phải do dân bầu, nắm toàn quyền hành pháp (Điều 2 Hiến pháp Hoa Kỳ) và Nghị viện không có quyền bất tín nhiệm Chính phủ [8]. Còn Chủ tịch nước của Hiến pháp năm 1946 do Nghị viện nhân dân bầu ra (Điều 45), không chịu trách nhiệm nào trừ tội phản quốc (Điều 50), nhưng Nội các có thể bị Nghị viện bất tín nhiệm (Điều 54).

Từ đây có thể thấy thiết kế bộ máy nhà nước trong Hiến pháp năm 1946 có sự pha trộn đặc trưng của cả chính thể cộng hòa đại nghị lẫn cộng hòa tổng thống. Vì thế không ít học giả cho rằng hình thức chính thể của Hiến pháp năm 1946 có thể xếp vào cộng hòa hỗn hợp. Mặt khác, sự minh định quyền lực giữa cá nhân Chủ tịch nước và tập thể Chính phủ, cũng như sự phân quyền “mềm dẻo” trong tương quan Nghị viện - Chủ tịch nước - Nội các có nét tương đồng với mô hình “hành pháp lưỡng đầu” của Pháp hay Nga. Tuy nhiên, xem xét một cách kỹ lưỡng có thể nhận ra thiết kế trong Hiến pháp năm 1946 không phù hợp với các đặc trưng của chính thể cộng hòa hỗn hợp:

Một là, Tổng thống do nhân dân trực tiếp bầu trong một cuộc bầu cử phổ thông đầu phiếu. Các nhà nghiên cứu đều thống nhất rằng đây là đặc trưng quan trọng nhất của chính thể cộng hòa hỗn hợp, bởi có như vậy Tổng thống mới hoàn toàn độc lập trước Nghị viện và miễn nhiệm trước tương quan quyền lực đảng phái trong cơ quan lập pháp [9]. Các bản Hiến pháp của Pháp năm 1958, Hiến pháp Nga năm 1993, kể cả những Hiến pháp có các đặc trưng sơ kỳ của

“hành pháp lưỡng đầu” như Hiến pháp Weimar năm 1919 của Đức, Hiến pháp năm 1919 của Phần Lan, Hiến pháp năm 1920 của Áo đều quy định như vậy. Còn theo Hiến pháp năm 1946 của nước ta, Chủ tịch nước vẫn do Nghị viện nhân dân bầu ra, vì vậy sự thành lập Chủ tịch nước không thể tránh khỏi phụ thuộc vào tương quan giữa các lực lượng chính trị trong Nghị viện nhân dân.

Hai là, Chính phủ vừa chịu trách nhiệm trước Nghị viện, vừa chịu trách nhiệm trước Tổng thống [10]. Ngay cả trong trường hợp “chung sống chính trị”, Tổng thống vẫn phải có ảnh hưởng và quyền lực tác động phần nào đến Chính phủ để thực hiện những chính sách của mình. Ví dụ như khoản 2 Điều 117 Hiến pháp Liên bang Nga hiện hành quy định Tổng thống Liên bang có thể toàn quyền cách chức toàn bộ Chính phủ Liên bang hoặc từng thành viên của Chính phủ. Trong Hiến pháp Việt Nam năm 1946, Chủ tịch nước không có những công cụ tương tự để ràng buộc Nội các.

Ba là, Tổng thống có quyền giải tán Nghị viện (thường là Hạ viện) trong trường hợp Nghị viện bất tín nhiệm Chính phủ (Điều 12 Hiến pháp Cộng hòa Pháp, Điều 84 Hiến pháp Liên bang Nga). Quyền hạn này nhằm giúp Tổng thống có vị thế và uy quyền chính trị ngang hàng với Nghị viện, đồng thời cho phép Tổng thống bảo vệ được Chính phủ trong trường hợp Nghị viện bất tín nhiệm Chính phủ. Còn Chủ tịch nước theo Hiến pháp năm 1946 chỉ có thể yêu cầu Nghị viện thảo luận lại quyết định bất tín nhiệm Nội các và không có quyền giải tán Nghị viện nhân dân.

Bốn là, có sự phân định quyền hạn của Tổng thống và quyền hạn của Chính phủ như hai đầu của quyền hành pháp. Trong chính thể cộng hòa hỗn hợp, Tổng thống là nguyên thủ quốc gia, nắm một phần quyền hành pháp, Chính phủ bao gồm Thủ tướng là người đứng đầu Hội đồng Chính phủ và các Bộ trưởng, nắm phần quyền hành pháp còn lại. Vì vậy, thông thường, Hiến pháp sẽ quy định Tổng thống và Chính phủ ở hai Chương riêng biệt, trong đó quy định cụ thể nhiệm vụ quyền hạn riêng biệt của các thiết chế này. Ví dụ như Hiến pháp năm 1958 của Pháp

quy định về Tổng thống ở chương 2, quy định về Chính phủ ở chương 3, Hiến pháp năm 1992 của Liên bang Nga quy định về Tổng thống Liên bang ở chương 4, còn Chính phủ ở chương 6. Điều 19 Hiến pháp năm 1958 của Pháp còn quy định những quyền hạn đặc biệt của Tổng thống như các quyền về nhân sự của Chính phủ, quyền về tình trạng khẩn cấp, thẩm quyền liên quan đến Hội đồng bảo hiến thì không cần Bộ trưởng tiếp ký. Sự phân định cụ thể này thể hiện rõ yếu tố “hành pháp lưỡng đầu”, đặc biệt là trong trạng thái “chung sống chính trị” và là đặc trưng quan trọng nhất của chính thể cộng hòa hỗn hợp [11]. Mục đích là nhằm tạo nên sự kiểm soát và đối trọng ngay trong nội bộ quyền hành pháp. Điều này không thể hiện ở Hiến pháp năm 1946, bởi Chủ tịch nước thuộc Chính phủ, đồng thời cũng không có điều khoản nào quy định về quyền hạn riêng của Nội các. Như vậy, trong trường hợp Chủ tịch nước và Nội các cùng đảng thì mọi quyền hành pháp quy về Chủ tịch nước; còn trong trường hợp đảng của Chủ tịch nước và Nội các đối lập nhau thì Chủ tịch nước chỉ còn các quyền hạn rất hạn chế trong các Điều 30, Điều 49 và Điều 54 (các quyền hạn thực thi không cần Bộ trưởng tiếp ký), còn Nội các thì không tự mình thực thi được quyền hạn gì bởi không có quyền hạn riêng, mọi Sắc lệnh của Chính phủ đều cần chữ ký của Chủ tịch nước (Điều 53). Từ đó, có thể khẳng định hành pháp ở nước ta theo Hiến pháp năm 1946 vẫn là “một đầu” và tập trung vào tập thể Chính phủ chứ không phải cá nhân Chủ tịch nước hay Nội các. Trong trường hợp Chủ tịch nước và Nội các đối lập thì gần như toàn bộ quyền hành pháp (được quy định trong Điều 52) không thể thực thi được nếu không có sự thỏa hiệp giữa các đảng đối lập và cá nhân Chủ tịch nước chỉ còn một số quyền hạn nhằm bảo vệ đất nước trong bối cảnh đặc thù lúc bấy giờ. Thậm chí có thể nói sự tồn tại của Thủ tướng và Nội các trong Hiến pháp năm 1946 là rất nhợt nhạt, dường như chỉ nhằm giúp việc cho Chủ tịch nước trong trường hợp cùng đảng và là cơ sở để Nghị viện thỏa hiệp cũng như kiểm soát Chủ tịch nước trong trường hợp khác đảng.

Với những phân tích trên đây, rõ ràng không thể miễn cưỡng xếp hình thức chính thể trong

Hiến pháp năm 1946 vào các hình thức chính thể hiện đại. Điều này cũng là dễ hiểu bởi Hiến pháp năm 1946 tất nhiên không thể chịu ảnh hưởng từ Hiến pháp Đức năm 1949, Hiến pháp Pháp năm 1958 là các bản Hiến pháp ra đời sau đó, mà phải là kết quả của phong trào lập hiến cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX, kết tinh tư tưởng lập hiến thời đại và tư tưởng dân tộc lúc bấy giờ. Trong đó, Hiến pháp năm 1946 chịu ảnh hưởng sâu sắc nhất từ hai trường phái lập hiến đến từ Pháp và nước Nga Xô-viết.

3. So sánh hình thức chính thể theo Hiến pháp năm 1946 với các bản Hiến pháp ở cuối thế kỷ XIX và đầu thế kỷ XX

3.1. Dấu ấn của hình thức chính thể cộng hòa Xô-viết trong Hiến pháp năm 1946

Các nhà Marxist kinh điển đã lấy Công xã Paris làm kiểu mẫu nhà nước xã hội chủ nghĩa đầu tiên trong lịch sử. Lê-nin viết: “Về mặt lịch sử toàn thế giới, “Chính quyền Xô-viết” là bước thứ hai hay giai đoạn thứ hai trong sự phát triển của chuyên chính vô sản. Công xã Paris là bước thứ nhất trong sự phát triển đó. Sự phân tích một cách thiên tài nội dung và ý nghĩa của Công xã mà Marx đã trình bày trong cuốn *Nội chiến ở Pháp* của ông, đã chứng minh rằng Công xã đã sáng tạo ra nhà nước kiểu mới, nhà nước vô sản” [12]. Còn trong tác phẩm “*Nội chiến ở Pháp*”, Marx đã nhận định: “Công xã gồm những đại biểu thành phố do đầu phiếu phổ thông ở các khu của Paris bầu lên [...] và có thể bị bãi miễn bất cứ lúc nào. Đa số ủy viên của công xã tất nhiên phải là những công nhân hoặc là những đại biểu được thừa nhận của giai cấp công nhân. Công xã không nên là một cơ quan đại nghị, mà phải là một cơ thể hành động, vừa hành chính, vừa lập pháp” [13].

Từ đó, Công xã Paris đã trở thành cơ sở để các nhà Marxist kinh điển xác lập nên những nguyên tắc rất đặc trưng của chính thể cộng hòa

xã hội chủ nghĩa:

Một là, khác với các nước tư bản tồn tại những chính trị gia chuyên nghiệp không xuất thân từ các tầng lớp lao động, đa số đại biểu của dân trong các Xô-viết phải là những công nhân hoặc là những đại biểu được thừa nhận của giai cấp công nhân. Điều này dẫn đến một hệ quả là đa số đại biểu hoạt động không chuyên trách mà còn tham gia các hoạt động quản lý nhà nước, quản lý kinh tế, hoạt động xã hội và các hoạt động chuyên nghiệp khác.

Hai là, bởi vì đa số đại biểu hoạt động không chuyên trách, nên Quốc hội hay Xô-viết tối cao buộc phải hoạt động theo kỳ họp. Vì thế, nhà nghiên cứu Vũ Hồng Anh đã đúc kết một đặc trưng của chính thể cộng hòa Xô-viết là Quốc hội phải thành lập một cơ quan thường trực gọi là Ủy ban thường vụ hoặc Hội đồng nhà nước để thực hiện một số quyền hạn của Quốc hội trong thời gian giữa 02 kỳ họp [8]. Các bản Hiến pháp của Liên Xô và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu trước đây đều thành lập cơ quan gọi là Ban chấp hành trung ương đóng vai trò là cơ quan thường trực cao nhất của Xô-viết tối cao. Nghị viện ở các nước phương Tây thường không có kỳ họp cố định mà có thể họp quanh năm, trừ những dịp lễ¹, do đó không cần thành lập cơ quan thường trực.

Ba là, cử tri được bãi nhiệm đại biểu dân cử ở mọi cấp, kể cả Xô-viết tối cao.

Quan điểm phổ biến ở các nước phương Tây cho rằng: mỗi nghị sĩ dù được một đơn vị bầu cử bầu ra nhưng là đại biểu của toàn thể nhân dân, phải hoạt động vì lợi ích của toàn xã hội và quốc gia, vì vậy mà cử tri tại một địa phương không thể được trao quyền bãi nhiệm một nghị sĩ [14]. Tuy nhiên, Lê-nin cho rằng: “Hiến pháp của nước cộng hòa dân chủ Nga phải bảo đảm: Chuyên chế của nhân dân; toàn bộ quyền lực tối cao trong nước phải thuộc về đại biểu của nhân dân, do nhân dân bầu ra, có thể bị nhân dân bãi chức bất cứ lúc nào và các đại biểu đó họp thành một quốc hội duy nhất, một nghị viện duy nhất” [12]. Vì thế ngay Điều 78 Hiến pháp đầu tiên của

¹ Ví dụ: Nghị viện Anh không có thời gian họp cố định mà thường họp khi có vấn đề, không có giới hạn thời gian cho mỗi kỳ họp.

<https://www.parliament.uk/about/how/occasions/calendar/>.

Liên Xô năm 1918 đã quy định cử tri có quyền bãi nhiệm đại biểu mình đã bầu ra theo các quy định chung về bầu cử.

Bốn là, cơ quan đại biểu của dân không chỉ là cơ quan đại nghị, mà “phải là một cơ thể hành động, vừa hành chính, vừa lập pháp”. Đây chính là biểu hiện của nguyên tắc tập quyền xã hội chủ nghĩa được các bản Hiến pháp của Liên xô và các nước xã hội chủ nghĩa ở Đông Âu ghi nhận. Ví dụ, Điều 31 Hiến pháp Liên Xô 1918 quy định Ban chấp hành Trung ương là cơ quan lập pháp, hành pháp và điều hành tối cao, Điều 13 Hiến pháp Liên Xô 1924 quy định Ủy ban Chấp hành trung ương do Xô-viết tối cao bầu ra, là cơ quan lập pháp, hành pháp và điều hành tối cao trong toàn Liên bang.

Đối chiếu các đặc điểm trên với Hiến pháp năm 1946, có thể thấy hình thức chính thể được thiết kế trong bản Hiến pháp đầu tiên vẫn mang một số dấu ấn của chính thể cộng hòa Xô-viết, được thể hiện rõ nét qua thiết chế Nghị viện nhân dân.

Thứ nhất, Hiến pháp năm 1946 thiết kế Nghị viện nhân dân chỉ có một viện, do Nhân dân bầu ra được quy định là cơ quan có quyền cao nhất toàn quốc (Điều 22). Điều này khá tương đồng với Điều 24 Hiến pháp năm 1918 của Liên Xô quy định Quốc hội (Đại hội Xô-viết toàn Nga) chỉ có một viện, có quyền cao nhất cả nước Cộng hòa Xã hội chủ nghĩa Liên bang Xô-viết Nga.

Thứ hai, Nghị viện nhân dân hoạt động theo kỳ họp, mỗi năm họp hai lần thường niên (Điều 28). Vì vậy cần thành lập Ban Thường vụ gồm Nghị trưởng, hai Phó Nghị trưởng, 12 ủy viên chính thức, 3 ủy viên dự khuyết (Điều 27) để giải quyết các vấn đề khi Nghị viện không họp. Quốc hội theo Hiến pháp năm 1918 của Liên Xô cũng họp một năm 2 lần (Điều 26), do đó Quốc hội bầu Ủy ban Chấp hành trung ương toàn Nga với số lượng không quá 200 thành viên (Điều 28), chịu trách nhiệm trước Quốc hội (Điều 29) và là cơ quan có quyền cao nhất khi Quốc hội không họp (Điều 30).

Thứ ba, Điều 20 Hiến pháp năm 1946 quy định: “Nhân dân có quyền bãi miễn các đại biểu mình đã bầu ra”. Điều 41 minh định thủ tục bãi

nhiệm nghị viên cụ thể: “Nghị viện phải xét vấn đề bãi miễn một nghị viên khi nhận được đề nghị của một phần tư tổng số cử tri tỉnh hay thành phố đã bầu ra nghị viên đó. Nếu hai phần ba tổng số nghị viên ưng thuận đề nghị bãi miễn thì nghị viên đó phải từ chức”. Quy định này đã kế thừa tinh thần mà Lê-nin đã đề ra trong Hiến pháp đầu tiên của Liên bang Xô-viết Nga: “toàn bộ quyền lực tối cao trong nước phải thuộc về đại biểu của Nhân dân, do Nhân dân bầu ra, có thể bị nhân dân bãi chức bất cứ lúc nào” (Điều 78).

Bên cạnh những nét tương đồng, cũng cần thấy rằng, liên quan đến chế định Nghị viện nhân dân, Hiến pháp năm 1946 vẫn có nét đặc trưng là đề cao nguyên tắc chủ quyền nhân dân và không áp dụng nguyên tắc tập quyền xã hội chủ nghĩa.

Thứ nhất, nguyên tắc tập quyền xã hội chủ nghĩa trong Hiến pháp năm 1918 của Liên Xô thể hiện ngay từ điều khoản đầu tiên quy định về Quốc hội “là cơ quan có quyền cao nhất cả nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa liên bang Xô-viết Nga” (Điều 24). Thảm quyền của Quốc hội trải dài các vấn đề từ lập pháp, chính sách tài chính - tiền tệ, chuẩn y ngân sách, quyết định chiến tranh và hòa bình, thành lập Hội đồng Dân ủy (tương đương Chính phủ) và Chủ tịch Hội đồng dân ủy, quyết định quốc tịch,... (Điều 49) cho đến vấn đề sửa đổi Hiến pháp và quyết định về lãnh thổ (Điều 51).

Mặc dù Điều 22 Hiến pháp năm 1946 cũng tuyên bố “Nghị viện nhân dân là cơ quan có quyền cao nhất của nước Việt Nam dân chủ cộng hòa”, quyền hạn của Nghị viện nhân dân chỉ dừng lại ở việc giải quyết mọi vấn đề chung cho toàn quốc, đặt ra các pháp luật, biểu quyết ngân sách, chuẩn y các hiệp ước mà Chính phủ ký với nước ngoài. Hiến pháp và những việc quan hệ đến vận mệnh quốc gia phải do nhân dân quyết định bằng hình thức phúc quyết (Điều 21, Điều 32, Điều 70). Có thể nói Hiến pháp năm 1946 phân định chủ quyền nhân dân và quyền lực nhà nước rất rõ rệt. Quyền lực nhà nước thuộc về Nhân dân, do Nhân dân trao cho Nhà nước, nhưng Nhân dân không trao hết toàn bộ quyền lực của mình mà đối với những vấn đề tối quan trọng liên quan đến vận mệnh của quốc gia hay

Hiến pháp thì Nhân dân vẫn giữ quyền quyết định sau cùng.

Thứ hai, Hiến pháp Liên Xô năm 1918 đề cao tuyệt đối vai trò của Ban Chấp hành trung ương là cơ quan có toàn quyền lập hiến, lập pháp và quản trị giữa 02 kỳ họp của Quốc hội. Điều 49 Hiến pháp Liên Xô còn đồng nhất nhiệm vụ của Quốc hội và Ban chấp hành trung ương. Điều này khiến Ban chấp hành trung ương trở nên đặc biệt quyền lực giữa các kỳ họp của Quốc hội, nhưng lại đóng vai trò mờ nhạt khi Quốc hội họp.

Hiến pháp năm 1946 đã có sự phân định rạch ròi về quyền hạn giữa Nghị viện nhân dân và Ban thường vụ, theo đó khi Nghị viện không họp thì Ban thường vụ chỉ có quyền biểu quyết những dự án sắc luật của Chính phủ, triệu tập Nghị viện nhân dân, kiểm soát và phê bình Chính phủ (Điều 36).

Thứ ba, trong mối quan hệ giữa Nghị viện với Chính phủ, có ý kiến cho rằng Hiến pháp năm 1946 đã thiết kế mô hình tập quyền vào Nghị viện để kiến tạo một nhà nước mạnh mẽ [15]. Tuy nhiên, tác giả cho rằng Hiến pháp năm 1946 đã thiết kế mô hình kiểm soát và đối trọng quyền lực giữa các cơ quan nhà nước trong việc thực hiện các quyền lập pháp, hành pháp khá rõ nét.

Liên quan đến mô hình cộng hòa xã hội chủ nghĩa, có quan điểm cho rằng hình thức chính thể trong Hiến pháp năm 1946 là cộng hòa dân chủ nhân dân [6, 7]. Theo đó, cộng hòa dân chủ nhân dân cũng là một hình thức cộng hòa xã hội chủ nghĩa giống như cộng hòa Xô-viết [16]. Các học giả Xô-viết thường phân tích hình thức cộng hòa dân chủ nhân dân là một trong những mô hình đặc biệt của nhà nước quá độ tiến lên chủ nghĩa xã hội của các nhà nước thuộc địa [6]. Một số nhà nghiên cứu nước ta phân biệt cộng hòa dân chủ nhân dân với cộng hòa Xô-viết và xếp hình thức chính thể của Hiến pháp năm 1946 là cộng hòa dân chủ nhân dân bởi các lý do sau:

Một là, trong Hiến pháp năm 1946, tất cả quyền lực nhà nước thuộc về nhân dân: việc tổ chức và thực hiện quyền lực nhà nước được tiến hành theo phương pháp dân chủ, công khai; chế độ bầu cử là phổ thông, đầu phiếu, bỏ phiếu tự do, trực tiếp và kín [7].

Hai là Hiến pháp 1946 thể hiện tinh thần đại đoàn kết dân tộc, không phân biệt giai cấp và ở dấu ấn của chủ nghĩa hiến pháp [6].

Ba là, hình thức dân chủ cộng hòa gắn liền với chế độ dân ủy là chế độ nhân dân rộng rãi hơn chế độ Xô-viết: Nghị viện có đầy đủ các thành phần giai cấp, chưa phải là cơ quan cao nhất toàn quyền quyết định; còn vận dụng sự phân quyền ở mức độ nhất định [17]. Nhưng một điều chưa rõ là mức độ áp dụng nguyên tắc phân quyền đến đâu thì vẫn được xem là cộng hòa dân chủ nhân dân? Bởi chắc chắn nếu áp dụng triệt để nguyên tắc phân quyền thì không còn thuộc chính thể cộng hòa xã hội chủ nghĩa nữa. Như vậy, sự khác biệt căn bản giữa cộng hòa dân chủ nhân dân so với cộng hòa Xô-viết nhìn chung là ở chế độ chính trị (mức độ mở rộng dân chủ và sự tham gia của các giai tầng) chứ không phải là cách tổ chức và hoạt động cũng như mối quan hệ giữa các cơ quan nhà nước ở Trung ương.

Vì những lẽ nêu trên, tác giả cho rằng việc kết luận hình thức chính thể trong Hiến pháp năm 1946 là cộng hòa dân chủ nhân dân là chưa thuyết phục bởi: *Thứ nhất*, cộng hòa dân chủ nhân dân về cơ bản là cộng hòa Xô-viết mở rộng mức độ dân chủ. Mà Hiến pháp năm 1946, như đã phân tích ở trên, đã phân công quyền lực nhà nước minh định rạch ròi giữa Nghị viện và Chính phủ chứ không ảnh hưởng từ nguyên tắc tập quyền xã hội chủ nghĩa của chính thể cộng hòa Xô-viết đương thời, vì vậy cũng không thể xếp vào mô hình cộng hòa dân chủ nhân dân. *Thứ hai*, tác giả cho rằng cơ chế kiểm soát trong Hiến pháp năm 1946 được nhấn mạnh và rất mạch lạc, không chỉ ở một mức độ nhất định như một dấu hiệu để tách Hiến pháp năm 1946 khỏi mô hình cộng hòa Xô-viết và xếp vào cộng hòa dân chủ nhân dân, mà còn đóng vai trò then chốt trong mối quan hệ đối trọng quyền lực giữa lập pháp và hành pháp, thể hiện ở những cơ chế đặc biệt được xây dựng cho bối cảnh đa đảng chính trị như cơ chế bất tín nhiệm Nội các hay quyền phủ quyết của Chủ tịch nước đối với Nghị viện. Vì vậy, mặc dù chế định Nghị viện nhân dân có mang đôi nét dấu ấn của Quốc hội theo Hiến pháp Liên Xô năm 1918, nhưng nhìn chung, Hiến pháp năm 1946 không mang đặc trưng của chính

thể cộng hòa xã hội chủ nghĩa nói chung.

Qua nghiên cứu có thể thấy mối quan hệ kiểm soát giữa Nghị viện - Chủ tịch nước - Nội các trong Hiến pháp năm 1946 rõ ràng có sự ảnh hưởng bởi mối quan hệ giữa Nghị viện - Tổng thống - Nội các trong Hiến pháp của các nước phương Tây, mà đặc biệt là nền lập hiến của nước Pháp.

3.2. Những điểm tương đồng và khác biệt trong hình thức chính thể theo Hiến pháp năm 1946 của Việt Nam và Hiến pháp năm 1875 của Pháp

Tư tưởng lập hiến của Việt Nam lúc bấy giờ không khỏi ảnh hưởng sâu sắc từ tư tưởng lập hiến của Pháp. Dù vậy, tác giả cho rằng Hiến pháp năm 1946 của Việt Nam không lấy “cảm hứng” từ Hiến pháp năm 1946 của Pháp bởi dự thảo đầu tiên của Hiến pháp năm 1946 của Pháp được công bố vào tháng 4/1946 để trưng cầu dân ý, trong khi đó dự thảo đầu tiên của Hiến pháp năm 1946 đã được công bố từ tháng 11/1945 trên báo Cứu Quốc. Vì thế, nếu Hiến pháp năm 1946 có ảnh hưởng từ tư tưởng lập hiến của Pháp thì phải ảnh hưởng từ bản Hiến pháp trước đó, tức Hiến pháp năm 1875 của Pháp (còn gọi là Hiến pháp Đệ tam Cộng hòa Pháp, hay Hiến pháp Grévy). Một điều thú vị là Hiến pháp năm 1946 có nhiều điểm tương đồng với Hiến pháp năm 1875 của Pháp, đặc biệt ở chế định Chính phủ.

3.2.1. Hiến pháp năm 1875 của Đệ tam cộng hòa Pháp

Hiến pháp năm 1875 của Pháp bao gồm 03 đạo luật cơ bản: Luật Tổ chức công quyền được thông qua vào 25/2/1875 (sau đây gọi tắt là Luật ngày 25/2/1875), Luật Tổ chức Thượng viện được thông qua vào 24/2/1875 (sau đây gọi tắt là Luật ngày 24/2/1875), Luật Quan hệ công quyền được thông qua vào 16/7/1875 (sau đây gọi tắt là Luật ngày 16/7/1875).

Các quy định về Nghị viện theo Hiến pháp năm 1875 của Pháp khá ngắn gọn: Nghị viện được thiết kế theo mô hình lưỡng viện, cả hai viện được bầu bởi các cuộc bầu cử phổ thông đầu phiếu (Điều 1 Luật 25/2/1875). Thượng viện có nhiệm kỳ 9 năm, trong đó cứ 1/3 số thượng nghị

sĩ được bầu lại mỗi 03 năm; Hạ viện có nhiệm kỳ 4 năm. Nghị viện có quyền đề xuất dự luật và thông qua luật, chuẩn y ngân sách (Điều 8 Luật 24/2/1875), chuẩn y các điều ước quốc tế (Điều 8 Luật 16/7/1875), quyết định chiến tranh (Điều 9 Luật 24/2/1875). Nghị viện họp quanh năm, tổng thời gian họp phải ít nhất 05 tháng/năm (Điều 1 Luật 16/7/1875).

Theo Hiến pháp năm 1875 của Pháp, Tổng thống do Nghị viện bầu ra với đa số tuyệt đối phiếu, nhiệm kỳ 7 năm và có thể tái đắc cử không giới hạn nhiệm kỳ (Điều 2 Luật 25/2/1875). Tổng thống vừa là nguyên thủ quốc gia, vừa là người đứng đầu Chính phủ, do đó Hiến pháp trao cho Tổng thống nhiều quyền hành mạnh mẽ:

- Với tư cách là nguyên thủ quốc gia, Tổng thống có quyền công bố luật trong vòng một tháng kể từ khi Nghị viện thông qua và chuyển cho Tổng thống; chủ tọa các nghị lễ quốc gia; đặc xá; bổ nhiệm, miễn nhiệm các đại sứ; đàm phán và ký kết các điều ước quốc tế (Điều 8 Luật 16/7/1875).

- Với tư cách là người đứng đầu Chính phủ, thực hiện quyền hành pháp, Tổng thống có quyền đề xuất dự luật; giám sát và đảm bảo thực thi luật; tổng chỉ huy quân đội; bổ nhiệm, cách chức tất cả chức danh dân sự (trong cơ quan hành chính) và quân sự; (Điều 3 Luật 25/2/1875); thành lập và chủ tọa Hội đồng Nhà nước (Conseil d'État) (Điều 4 Luật 25/2/1875).

- Các sắc lệnh của Tổng thống phải được tiếp ký bởi một hoặc nhiều Bộ trưởng (Điều 3 Luật 25/2/1875).

- Tổng thống có quyền miễn trừ, chỉ chịu trách nhiệm về tội phản quốc (Điều 6 Luật 25/2/1875).

- Mặc dù Hiến pháp không có quy định nhưng thực tế Tổng thống có quyền chỉ định Thủ tướng và các Bộ trưởng thành lập Nội các.

Đặc biệt, trong mối quan hệ với Nghị viện, Tổng thống có 02 quyền hạn đặc biệt mạnh mẽ:

Một là, Tổng thống có quyền giải tán Hạ viện với sự đồng thuận từ Thượng viện (Điều 5 Luật 25/2/1875). Đây là quyền hạn mạnh mẽ thường thấy ở nguyên thủ quốc gia các nước theo chính

thể đại nghị.

Hai là, trong vòng một tháng (hoặc 3 ngày trong trường hợp khẩn cấp do Nghị viện quyết định) kể từ khi nhận được dự luật đã được Nghị viện thông qua, Tổng thống có quyền yêu cầu Nghị viện thảo luận lại và Nghị viện không được từ chối (Điều 7 Luật 16/7/1875). Đây là quyền hạn mạnh mẽ giúp Tổng thống kiểm soát quyền lập pháp của Nghị viện, có nét tương đồng với quyền phủ quyết đặc trưng của chính thể cộng hòa tổng thống.

Ở chiều ngược lại, trong trường hợp Tổng thống phạm tội phản quốc, Nghị viện có quyền thành lập Tòa án đặc biệt để hạch tội Tổng thống (Điều 12 Luật 16/7/1875). Nghị viện cũng có thể kiểm soát Chính phủ thông qua cơ chế bất tín nhiệm Nội các. Hiến pháp quy định Bộ trưởng chịu trách nhiệm cá nhân và tập thể trước Nghị viện (Điều 6 Luật 25/2/1875).

Nếu chỉ dừng ở góc độ câu chữ có thể thấy Hiến pháp trao cho Tổng thống rất nhiều quyền hạn mạnh mẽ, thậm chí có phần áp đảo trong cân quyền lực với Nghị viện. Nghiên cứu về lịch sử lập hiến của châu Âu, có thể thấy các quyền hạn và vai trò của các Tổng thống giai đoạn này thực ra là được chuyển giao toàn vẹn từ các vị vua trong chính thể quân chủ nhị nguyên trước đó. Hai đặc trưng quan trọng nhất phân biệt quân chủ nhị nguyên với quân chủ tập trung là i) các sắc lệnh của quân vương phải được tiếp ký bởi bộ trưởng; và ii) quân vương chỉ bổ nhiệm thủ tướng và các bộ trưởng được nghị viện tín nhiệm. Từ đây hình thành các Nội các chịu trách nhiệm trước Nghị viện và ít phụ thuộc dần vào quân vương. Nhưng trong chính thể này, quân vương vẫn giữ vai trò chính trị mạnh mẽ bởi vẫn có quyền giải tán Nghị viện, phủ quyết luật của Nghị viện, cách chức thành viên Nội các và quan trọng nhất, quyền quân vương là thiêng liêng, bất khả xâm phạm, mang tính thần thánh biểu tượng. Quân vương nắm quyền trị vì trọn đời và hình thành bằng con đường thế tập truyền ngôi, nên

miễn nhiệm trước tương quan chính trị trong Nghị viện. Vai trò của quân vương lúc này trở thành đôi trọng cần thiết với nguyên tắc nghị viện tối cao, đảm bảo sự ổn định chính trị lâu dài, đặc biệt là khi nghị viện phân mảnh do tồn tại quá nhiều đảng chính trị. Kết quả là quyền hành pháp luôn trong trạng thái cân bằng dưới sự tác động của hai cực: quân vương và Nghị viện. Đó là lý do vì sao các học giả gọi đây là chính thể nhị nguyên (dualism).

Khi nền quân chủ chấm dứt và nền cộng hòa được thiết lập, vai trò của Tổng thống thay thế vai trò của quân vương; phong trào lập hiến cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX với các bản Hiến pháp của Pháp năm 1875, Hiến pháp Weimar của Đức năm 1919, Hiến pháp Phần Lan năm 1919, Hiến pháp Áo năm 1920,... cho thấy các nhà lập hiến thời kỳ này đã nỗ lực chuyển đổi mối quan hệ quân vương - Nghị viện sang Tổng thống - Nghị viện nhằm bảo toàn thể nhị nguyên trong việc nắm giữ, thực thi và kiểm soát quyền hành pháp. Vì thế, các học giả gọi đây là chính thể cộng hòa đại nghị nhị nguyên (dualistic parliamentary system) [18]. Nhưng khác với quân vương, Tổng thống không được hình thành bằng con đường thế tập truyền ngôi mà lại được bầu theo nhiệm kỳ, do đó chịu sự tác động rất lớn từ tương quan quyền lực của các đảng chính trị, cộng thêm nguyên tắc mọi sắc lệnh cần bộ trưởng tiếp ký khiến Tổng thống thường rơi vào vị thế yếu trong tương quan quyền lực với Nghị viện². Trong trường hợp của Hiến pháp năm 1875 của Pháp, hình thức chính thể của nền Đệ tam cộng hòa thực tế trở thành cộng hòa đại nghị đơn nhất (monistic parliamentary system) [19] bởi các lý do sau:

Thứ nhất, Tổng thống không được cử tri trực tiếp bầu, mà do Nghị viện bầu ra. Mặc dù theo mô hình lưỡng viện, nhưng không có sự phân chia quyền hạn rạch ròi giữa hai viện khiến Nghị viện Pháp thời kỳ này hoạt động như một Quốc hội đơn viện, đồng thời đảng nào chiếm được đa

² Điều này lý giải vì sao chính thể trong các bản Hiến pháp năm 1875, 1946 của Pháp, Hiến pháp Weimar của Đức năm 1919, Hiến pháp Phần Lan năm 1919, Hiến pháp Áo năm 1920 đều xây dựng Chính phủ có những

nét tương đồng với mô hình “hành pháp lưỡng đầu”, nhưng thường được phân loại vào các biến thể của chính thể đại nghị.

số ghế sẽ là đảng quyết định mọi đối sách của Nghị viện cũng như nắm được nhân sự Tổng thống. Điều này khiến Tổng thống phụ thuộc nghiêm trọng vào quan hệ đảng phái trong Nghị viện và phần nào vô hiệu hóa các quyền của Tổng thống đối với Nghị viện và Nội các[9].

Thứ hai, Hiến pháp không quy định cụ thể về Thủ tướng và Nội các, không có sự phân định rạch ròi giữa quyền hạn của Tổng thống và quyền hạn của Nội các, đồng thời Nội các chỉ chịu trách nhiệm trước Nghị viện (bởi cơ chế bất tín nhiệm), không chịu trách nhiệm trước Tổng thống. Những quy định này khiến Tổng thống trở nên mờ nhạt, không còn thực quyền khi đảng đối lập chiếm đa số ghế trong Hạ viện. Bởi sắc lệnh của Tổng thống luôn phải được Bộ trưởng tiếp ký, trong khi không có sự phân định rõ ràng quyền hạn của Tổng thống và Nội các khiến quyền hành pháp lúc này thực chất thuộc về Thủ tướng và Nội các - tức là thuộc đảng chiếm đa số ghế trong Hạ viện.

Tổng thống đầu tiên của Đệ tam Cộng hòa Pháp là MacMahon là người thuộc đảng Bảo thủ nhậm chức từ năm 1873. Tuy nhiên, vào năm 1876, đảng Cộng hòa giành được đa số ghế trong cuộc bầu cử Hạ viện khiến Tổng thống MacMahon bắt buộc chỉ định Jules Simon - một người thuộc đảng Cộng hòa giữ chức vụ Thủ tướng và thành lập Nội các. Vào 16/5/1877, được sự chấp thuận của Thượng viện, Tổng thống MacMahon cách chức Simon³ và bổ nhiệm Albert de Broglie - người thuộc đảng Bảo thủ, làm Thủ tướng. Trước khi Hạ viện bỏ phiếu bất tín nhiệm Nội các mới, với sự chấp thuận của Thượng viện, Tổng thống MacMahon giải tán Hạ viện theo Điều 5 Luật 25/2/1875. Tuy vậy, đảng Cộng hòa vẫn tiếp tục giành được thắng lợi trong cuộc bầu cử Hạ viện mới. Sau đó, Hạ viện ngay lập tức thông qua nghị quyết bất tín nhiệm lật đổ Nội các của Thủ tướng Broglie. Tổng thống MacMahon buộc phải nhượng bộ và chỉ định Jules Dufaure thuộc đảng Cộng hòa làm Thủ tướng. Trong thời gian này, gần như

MacMahon không thực thi được các quyền hạn theo ý đồ của mình bởi Nội các của đảng Cộng hòa từ chối tiếp ký các sắc lệnh của Tổng thống. Năm 1879, đảng Cộng hòa chiếm được đa số ghế trong Thượng viện, Tổng thống MacMahon đành từ chức. Tổng thống kế nhiệm là J. Grévy tuyên bố sẽ không bao giờ chống lại “ý chí của nhân dân thể hiện thông qua cơ quan hiến định của nhân dân (tức là Nghị viện)”. Tuyên bố này đã xác lập một truyền thống chính trị của nền Đệ tam Cộng hòa Pháp khiến các Tổng thống sau này gần như không bao giờ giải tán Hạ viện, phủ quyết luật, cách chức các Bộ trưởng và cũng là lý do vì sao Hiến pháp năm 1875 được gọi là Hiến pháp Grévy [9].

Thứ ba, một điều đáng lưu ý ở Hiến pháp năm 1875 của Pháp chỉ được quy định sơ lược Điều khoản chung về Nội các như sau: “Số lượng các Bộ trưởng, không kể Chủ tịch Hội đồng, tức là Thủ tướng không được vượt quá hai mươi người” (Điều 6 Luật 25/2/1875, sửa đổi năm 1934). Với quy định này, Thủ tướng có thể hoạt động chuyên trách hoặc kiêm nhiệm vai trò Bộ trưởng của một hay một vài Bộ. Ngoài ra, Hiến pháp không hề quy định cho Thủ tướng và Nội các bất kỳ quyền hạn, trách nhiệm nào khác. Trên thực tế, Tổng thống bổ nhiệm Thủ tướng và các Bộ trưởng. Việc bổ nhiệm này cần phải được sự chấp thuận của Nghị viện, nhưng sự chấp thuận này không được quy định trong Hiến pháp mà chỉ tồn tại như một tập quán chính trị. Thông thường, Nội các không được Nghị viện chấp thuận bằng văn bản sẽ bị xem như không chính danh, các quyết sách của Nội các này không có giá trị pháp lý, thường thì sẽ bị Nghị viện bất tín nhiệm [19]. Sự thiếu vắng quy định hiến định về cơ quan hành pháp được giải thích là tạo sự linh hoạt cho Nội các và tăng thêm quyền lực cho Tổng thống trong việc lập ê-kíp cho mình [20]. Nhưng thực tế đã cho thấy, chính điều này đã làm lỏng lẻo đi bánh răng quan trọng trong cơ chế phối hợp, kiểm soát và đối trọng quyền lực giữa

³ Sự kiện này đi vào lịch sử nước Pháp với tên gọi *Le seize mai* để chỉ khủng hoảng hiến pháp dưới thời Tổng thống MacMahon.

Nghị viện - Tổng thống - Nội các. Lịch sử đã cho thấy một Nội các không được Nghị viện chính thức chấp thuận vẫn tồn tại và giành được quyền lực tuyệt đối: Tháng 6/1940, sau khi cựu Thủ tướng M. Reynaud từ chức, Tổng thống Albert Lebrun chỉ định Phillipe Pétain làm Thủ tướng mà không có sự chấp thuận bởi Nghị viện. Chính phủ của Pétain đã thực thi nhiều chính sách, trong đó có cả việc ký hòa ước với nước Đức vào ngày 22/6/1940 với nhiều điều khoản bất lợi đối với nước Pháp và triệu tập Nghị viện họp tại Vichy vào 10/7/1940. Lẽ ra, những chính sách của Chính phủ Pétain phải bị xem là vi hiến, hoặc lẽ ra Nghị viện có thể bắt tin nhiệm Pétain, nhưng vì hoàn cảnh lịch sử, Nghị viện họp tại Vichy đã thông qua nghị quyết trao toàn bộ quyền lực tối cao cho Pétain bao gồm cả quyền ban hành Hiến pháp mới, từ đó cáo chung cho nền Đệ tam Cộng hòa và mở đầu cho sự ra đời của Hiến pháp Vichy. Các học giả đương thời đánh giá rằng quy định lỏng lẻo về địa vị hiến định của Nội các và mối quan hệ với Nghị viện là một trong những lý do Đệ tam Cộng hòa của Pháp sụp đổ [19].

Có thể thấy dù Hiến pháp trao cho Tổng thống rất nhiều quyền hạn mạnh mẽ, nhưng cũng chính những thiết kế trong Hiến pháp đã vô hiệu hóa các quyền của Tổng thống, khiến Tổng thống trở nên “hữu danh” mà “vô thực”, chỉ còn đóng vai trò là nguyên thủ quốc gia thuần túy. Từ thực tiễn chính trị của nước Pháp dưới thời Tổng thống MacMahon cho thấy ngay cả khi nhiệm kỳ của Tổng thống dài hơn Nghị viện thì Tổng thống vẫn trở nên bất lực khi đang đối lập giành được đa số ghế trong Nghị viện. Hình thức chính thể của nước Pháp giai đoạn này quay về với cộng hòa đại nghị đơn thuần. Hệ quả là nhánh hành pháp mất đi cơ chế kiểm soát lập pháp, sự kiểm soát quyền lực nhà nước giờ đây chỉ còn một chiều từ lập pháp kiểm soát hành pháp. Quyền lực của nghị viện áp đảo quá mức nhánh hành pháp, cùng với sự thiếu vắng những cơ chế bắt tin nhiệm có trách nhiệm, cũng là nguyên nhân khiến tình hình chính trị trong thời kỳ này ở nước Pháp vô cùng bất ổn: nền Đệ tam cộng hòa của nước Pháp chứng kiến đến 93

Chính phủ nối nhau tồn tại chỉ trong 65 năm (1875 - 1940) [21].

3.2.2. Hiến pháp năm 1946 của nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa

Đối chiếu chế định Chủ tịch nước của Hiến pháp năm 1946, chúng ta thấy nhiều nét tương đồng với chế định Tổng thống trong Hiến pháp năm 1875 của Pháp như:

- Chủ tịch nước vừa là nguyên thủ quốc gia, vừa là người đứng đầu Chính phủ, cũng do Nghị viện bầu ra với đa số tuyệt đối phiếu và có thể được bầu lại (Điều 45).

- Chủ tịch nước bổ nhiệm Thủ tướng và Bộ trưởng, nhưng phải được Nghị viện tín nhiệm (Điều 47, 49).

- Chủ tịch nước không phải chịu một trách nhiệm nào, trừ khi phạm tội phản quốc (Điều 50). Mỗi khi truy tố Chủ tịch, Phó Chủ tịch hay một nhân viên Nội các về tội phản quốc, Nghị viện sẽ lập một Toà án đặc biệt để xét xử (Điều 51).

- Chủ tịch nước cũng có quyền yêu cầu Nghị viện thảo luận lại luật mà Nghị viện đã thông qua (Điều 30).

Nghị viện nhân dân cũng có thể bỏ phiếu bất tín nhiệm đối với cá nhân Bộ trưởng, hoặc bất tín nhiệm tập thể Nội các (Điều 54).

Những nét tương đồng này không đáng ngạc nhiên, bởi như đã trình bày ở trên, tư tưởng lập hiến ở nước ta thời kỳ này chịu ảnh hưởng sâu sắc từ nền giáo dục và những quan điểm lập hiến của nước Pháp. Tuy nhiên, Hiến pháp năm 1946 được soạn thảo để áp dụng vào tình hình rất đặc thù của nước ta lúc bấy giờ, nhằm xây dựng một chính quyền mạnh mẽ và sáng suốt của nhân dân, nên cũng chứa đựng những nội dung riêng không giống với bất kỳ bản hiến pháp nào trên thế giới. Bên cạnh đó, nghiên cứu Hiến pháp năm 1946 của Việt Nam cho thấy một Chủ tịch nước thực quyền và Chính phủ bền vững hơn trong Hiến pháp năm 1875 của Đệ tam Cộng hòa Pháp:

Thứ nhất, Chủ tịch nước phải được 2/3 tổng số nghị viên bỏ phiếu thuận (Điều 45). Tỷ lệ 2/3 là rất cao trong bối cảnh Nghị viện đa đảng, thường chỉ có thể đạt được bằng cách liên minh

hoặc thống nhất cao giữa các đảng chính trị. Cần nhắc lại rằng nguyên tắc đoàn kết toàn dân là một trong ba nguyên tắc xây dựng Hiến pháp năm 1946⁴. Điều này cho thấy Chủ tịch nước được thiết kế là nhân vật không chỉ đại diện cho một đảng đa số hay một giai tầng nào trong xã hội, mà còn là người được đa số các đảng chính trị thống nhất tín nhiệm, là hình tượng đại diện cho khối đại đoàn kết dân tộc. Trong trường hợp Nghị viện quá phân mảnh, không thể thỏa thuận để đạt được số phiếu ấy, thì lần thứ nhì sẽ theo đa số tương đối. Điều này nhằm đảm bảo Nghị viện nhân dân luôn bầu được Chủ tịch nước. Đây là điểm tiến bộ hơn so với Hiến pháp Pháp năm 1875.

Thứ hai, Hiến pháp năm 1946 quy định chức danh Phó Chủ tịch nước giúp đỡ Chủ tịch và tạm quyền Chủ tịch nước khi Chủ tịch nước từ trần hay từ chức (Điều 46). Điều này giúp ổn định tình hình chính trị trong trường hợp khuyết Chủ tịch nước, đặc biệt là trong bối cảnh chiến tranh không hợp Nghị viện nhân dân được ngay.

Thứ ba, Hiến pháp năm 1946 quy định về quy trình thành lập, chất vấn và bất tín nhiệm Thủ tướng và Nội các rõ ràng, cụ thể. Trong đó, một điều thú vị là Chủ tịch nước không chỉ định từng thành viên của Nội các mà Thủ tướng đề xuất và Nghị viện biểu quyết toàn thể.

Thứ tư, Hiến pháp năm 1946 quy định Thủ tướng phải chịu trách nhiệm về con đường chính trị của Nội các (Điều 54). Quy định này không tồn tại trong Hiến pháp năm 1875 của Pháp, thậm chí cũng không xuất hiện trong các bản Hiến pháp năm 1946 hay 1958 của Pháp, mà thường xuất hiện trong Hiến pháp của các quốc gia theo chính thể đại nghị như Đức, Italia sau này.

Thứ tư, Hiến pháp năm 1946 quy định điều kiện để Nghị viện bất tín nhiệm toàn thể Nội các là “*khi Thủ tướng, Ban thường vụ hoặc một phần tư tổng số Nghị viện nêu vấn đề ấy ra*” (Điều 54). Bên cạnh đó, trong hạn 24 giờ sau khi Nghị viện biểu quyết không tín nhiệm Nội các thì Chủ tịch nước Việt Nam có quyền đưa vấn đề tín nhiệm ra Nghị viện thảo luận lại. Cuộc thảo luận lần thứ

hai phải cách cuộc thảo luận lần thứ nhất là 48 giờ. Thời gian 48 giờ nhằm để Nghị viện xem xét, bàn bạc cũng như cho phép các nghị viên suy nghĩ và cân nhắc về quyết định bất tín nhiệm Nội các. Đồng thời, đây cũng là thời gian cho Chủ tịch nước và Nội các thuyết phục các nghị viên. Những quy định này góp phần giúp Chủ tịch nước chủ động bảo vệ Nội các của mình, đồng thời tránh được khủng hoảng chính trị và ngăn chặn việc Nghị viện tùy tiện bỏ phiếu bất tín nhiệm Nội các.

Thứ năm, Hiến pháp năm 1946 phân định rõ quyền hạn của Chủ tịch nước (tại Điều 49) và quyền hạn của tập thể Chính phủ (tại Điều 52). Trong đó, chỉ khi Chủ tịch nước và Nội các thực thi quyền hạn của Chính phủ bằng sắc lệnh thì mới cần chữ ký của Bộ trưởng (Điều 53), còn các quyền hạn riêng của Chủ tịch nước trong Điều 30, Điều 49, Điều 54 thì không cần Bộ trưởng tiếp ký. Điều này phần nào giúp Chủ tịch nước giữ được một số thực quyền để đối trọng với Nghị viện ngay cả khi Nội các thuộc đảng đối lập.

Thứ sáu, Chủ tịch nước không có quyền giải tán Nghị viện. Có lẽ các nhà lập hiến muốn đảm bảo tính toàn vẹn của chủ quyền nhân dân và nền dân chủ đại diện, tránh trường hợp Chủ tịch nước tùy tiện giải tán Nghị viện vì những mục đích chính trị hay đảng phái, gây bất ổn chính trị. Mặt khác, tình hình chiến tranh không thích hợp để tổ chức các cuộc bầu cử bất thường, nhất là khi nhiệm kỳ của Nghị viện nhân dân vốn đã khá ngắn (3 năm). GS. TS. Phạm Hồng Tung cũng nhận định: “*Rõ ràng là càng về sau, càng gần đến ngày tổng khởi nghĩa, tư tưởng về nền cộng hòa dân chủ của Đảng càng mạch lạc, rõ ràng hơn, tiệm cận gần hơn với mô hình cộng hòa đại nghị, đại diện cho ý chí của toàn thể dân tộc Việt Nam*” [22].

Tóm lại, Hiến pháp năm 1946 đã xây dựng một cơ chế phân chia quyền lực khá “mềm dẻo” giữa Nghị viện và Chính phủ, không có sự kiểm soát và đối trọng tuyệt đối như chính thể cộng hòa tổng thống kiểu Mỹ, cũng không “vô hiệu

⁴ Nguyên tắc được ghi nhận trang trọng trong Lời nói đầu của Hiến pháp

hóa” Tổng thống như Pháp, Áo và các quốc gia đại nghị đương thời. Chế định Chủ tịch nước rất độc đáo, tương đối độc lập trong mối quan hệ với Nghị viện, gần như bất khả xâm phạm về mặt pháp lý, có khả năng bảo vệ Chính phủ trước công cụ bất tín nhiệm rất mạnh của Nghị viện. Song ở chiều ngược lại, nếu Nghị viện thống nhất cao trong việc kiểm soát Chủ tịch nước thì vẫn hoàn toàn kiểm soát được Chính phủ thông qua việc giải tán Nội các và buộc Chủ tịch nước bổ nhiệm Nội các mới, mà Chủ tịch nước lại không thể giải tán Nghị viện. Bên cạnh đó, cũng cần nhấn mạnh rằng những thiết kế của Hiến pháp năm 1946 cho thấy các nhà lập hiến luôn đề cao nguyên tắc đoàn kết toàn dân, chủ quyền nhân dân và đảm bảo ổn định chính trị trong bối cảnh “ngàn cân treo sợi tóc” của đất nước.

Mặc dù có những đặc thù như vậy, nhưng nếu nhìn vào những đặc trưng căn cơ để phân loại hình thức chính thể thì có thể thấy Hiến pháp năm 1946 thiết kế mô hình rất giống với Hiến pháp năm 1875 của nước Pháp. Qua nghiên cứu, nếu đặt lên bàn cân để so sánh giữa Hiến pháp năm 1946 với các bản Hiến pháp năm 1875 của Pháp, Hiến pháp năm 1936 của Liên Xô, Hiến pháp năm 1958 của Pháp thì rõ ràng hình thức chính thể của Hiến pháp năm 1946 nước ta gần với mô hình trong Hiến pháp năm 1875 nhiều hơn là với các bản Hiến pháp còn lại. Mô hình ấy còn xuất hiện phổ biến trong các bản Hiến pháp của Đức năm 1919, Hiến pháp của Áo năm 1920, Hiến pháp Phần Lan năm 1919,... và nhiều nước châu Âu đầu thế kỷ XX như một sự thay thế cho mô hình quân chủ nhị nguyên, thường được gọi là chính thể cộng hòa đại nghị nhị nguyên.

4. Nhận diện hình thức chính thể trong Hiến pháp năm 1946

Từ những nghiên cứu nói trên, tác giả đề xuất một số hướng tiếp cận khi nghiên cứu hình thức chính thể của Hiến pháp năm 1946 như sau:

Thứ nhất, khi so sánh Hiến pháp năm 1946 với các bản Hiến pháp hiện đại điển hình đại diện cho các hình thức chính thể, có thể thấy rất khiên

cường nếu cố xếp hình thức chính thể của Hiến pháp năm 1946 vào các chính thể hiện đại. Hiến pháp năm 1946 chịu ảnh hưởng từ tư tưởng lập hiến cuối thế kỷ XIX – đầu thế kỷ XX, nên không lạ nếu có mang dấu ấn của một hình thức chính thể đã không còn tồn tại ở thời điểm hiện tại. Mặt khác, Hiến pháp năm 1946 thể hiện những dấu ấn từ Hiến pháp Liên Xô năm 1918, đặc biệt là ở chế định Nghị viện nhân dân. Song cơ chế kiểm soát quyền lực nhà nước trong Hiến pháp năm 1946, đặc biệt là kiểm soát cơ quan lập pháp, rất mạch lạc cho thấy hình thức chính thể giai đoạn này cũng không phải cộng hòa xã hội chủ nghĩa.

Thứ hai, có thể nhận định hình thức chính thể trong Hiến pháp năm 1946 của Việt Nam có những nét tương đồng với hình thức chính thể cộng hòa hỗn hợp của Hiến pháp năm 1958 của Pháp, đặc biệt là ở sự phân quyền “mềm dẻo” trong tương quan Nghị viện - Chủ tịch nước - Nội các. Điều này cũng là dễ hiểu, vì cả Hiến pháp năm 1946 của ta và các bản Hiến pháp năm 1946 và 1958 của Pháp đều chịu ảnh hưởng từ mô hình của Hiến pháp năm 1875 của nền Đế tam cộng hòa, vì thế tất yếu phải có một số tương đồng. Nhưng những nét tương đồng ấy, như đã phân tích ở trên, không cấu thành nên đặc trưng “hành pháp lưỡng đầu” của chính thể cộng hòa hỗn hợp - một đầu hành pháp của Tổng thống do nhân dân bầu và đầu hành pháp còn lại thuộc Nội các thành lập trên cơ sở Nghị viện.

Thứ ba, việc các học giả thường xếp chính thể trong Hiến pháp năm 1946 vào cộng hòa hỗn hợp có lẽ vì sự phân chia hình thức chính thể cộng hòa thành 02 mô hình cơ bản là cộng hòa đại nghị và cộng hòa tổng thống, tất cả những mô hình chính thể “ở giữa” - tức là mang cả đặc trưng của cộng hòa đại nghị lẫn cộng hòa tổng thống, thì đều xếp vào loại “hỗn hợp” hay “lưỡng tính”. Nếu tiếp cận ở góc độ này, thì mô hình chính thể trong Hiến pháp năm 1946 đúng là có sự pha trộn các đặc điểm giữa tổng thống chế và đại nghị chế, tức là một dạng chính thể hỗn hợp. Nhưng dù như vậy thì vẫn phải khẳng định rằng mô hình chính thể trong Hiến pháp năm 1946 có những khác biệt căn bản với chính thể cộng hòa hỗn hợp của Pháp sau này. Bên cạnh đó, nếu tiếp cận theo hướng này thì cũng phải chấp nhận các mô hình

chính thể trong các bản Hiến pháp của Pháp năm 1875, của Áo năm 1920, của Đức năm 1919,... đều là cộng hòa hỗn hợp vì cũng có những đặc điểm của tổng thống chế kiểu Mỹ và đại nghị chế kiểu Anh như đã phân tích ở trên.

Thứ tư, qua nghiên cứu, tác giả nhận thấy rằng trong “khoảng giữa” hai mô hình cơ bản là cộng hòa đại nghị và cộng hòa tổng thống còn tồn tại những biến thể khác ngoài cộng hòa hỗn hợp, tùy thuộc vào quyền lực của Tổng thống đến đâu: Trong trường hợp Tổng thống do Nghị viện bầu nhưng không nắm thực quyền hành pháp, mà quyền hành pháp thuộc về Nội các cũng thành lập trên cơ sở Nghị viện thì đó là chính thể cộng hòa đại nghị, như Cộng hòa Đức hiện tại. Nếu Tổng thống vẫn được bầu bởi Nghị viện nhưng có quyền phủ quyết luật và một số quyền hành pháp đủ để tạo nên một mô hình “nhị nguyên” với Nghị viện thì hình thức chính thể trở thành cộng hòa đại nghị nhị nguyên như trong Hiến pháp 1875 của Pháp. Nếu Tổng thống được tách khỏi Chính phủ, do dân bầu trực tiếp thay vì Nghị viện bầu, nắm một phần quyền hành pháp đáng kể thì đó là chính thể cộng hòa hỗn hợp hiện đại; nhưng tùy vào mức độ quyền lực của Tổng thống trong tương quan với Nghị viện và Chính phủ mà còn phân định thành chính thể cộng hòa hỗn hợp có Nghị viện mạnh (premier-presidential system) kiểu Pháp và cộng hòa hỗn hợp có Tổng thống mạnh (president-parliamentary system) kiểu Nga [23], hoặc nếu Tổng thống nắm gần như toàn quyền hành pháp trên mọi lĩnh vực, còn Thủ tướng và Nội các trở nên mờ nhạt thì đó là mô hình cộng hòa hỗn hợp có Tổng thống rất mạnh (semi-presidential system with “imperial predency”)⁵ kiểu Hàn Quốc [24]; và sau cùng, khi Tổng thống nắm toàn quyền hành pháp, chế định Thủ tướng biến mất, thì đó là chính thể cộng hòa tổng thống.

Với cách tiếp cận như trên, xem xét những đặc điểm quan trọng như Chủ tịch nước vẫn thuộc Chính phủ, Nội các không có quyền hạn riêng, Chủ tịch nước và cả Nội các đều được thành lập trên cơ sở Nghị viện cho thấy yếu tố

“hành pháp lưỡng đầu” trong Hiến pháp năm 1946 khá mờ nhạt. Đặc biệt là việc Chủ tịch nước và Nội các đều được thành lập trên cơ sở Nghị viện càng kéo chính thể của Hiến pháp năm 1946 “dịch chuyển” về gần với chính thể đại nghị hơn là chính thể hỗn hợp. Điểm sáng của Hiến pháp năm 1946 là xây dựng vai trò của Chủ tịch nước rất mạnh mẽ và độc lập, tuy được thành lập trên cơ sở Nghị viện, nhưng khi Chủ tịch nước khác đảng với Nghị viện thì hoàn toàn có thể trở thành một “cực” quyền lực đủ mạnh để kiểm soát Nghị viện, kiến tạo nên mô hình “nhị nguyên”. Vì vậy, có thể nói hình thức chính thể trong Hiến pháp năm 1946 tương ứng với chính thể đại nghị nhị nguyên vốn phổ biến ở các nước châu Âu lúc bấy giờ.

5. Kết luận

Mỗi bản hiến pháp đều là sản phẩm của thời đại. Không có bản hiến pháp nào là không chịu ảnh hưởng của bối cảnh lập hiến đương thời. Có thể thấy Hiến pháp năm 1946 rất độc đáo và có nhiều nét đặc thù, nhưng những đặc thù ấy không thể đặt Hiến pháp năm 1946 ra khỏi xu hướng lập hiến quốc tế, đặc biệt là khi nói về mô hình chính thể. Nhận diện hình thức chính thể trong Hiến pháp năm 1946 không chỉ nhằm giải quyết một dấu hỏi trong nghiên cứu lịch sử lập hiến Việt Nam, mà còn là để định vị bản Hiến pháp đầu tiên của nước ta trong dòng chảy lịch sử lập hiến thế giới.

Hiến pháp năm 1946 không mang đặc trưng của các chính thể hiện đại mà chịu ảnh hưởng từ chính thể cộng hòa Xô-viết của Liên Xô và chính thể cộng hòa đại nghị của nước Pháp cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX. Nhưng nghiên cứu cho thấy dấu ấn của chính thể cộng hòa xã hội chủ nghĩa đến Hiến pháp năm 1946 là không lớn, chỉ thể hiện chủ yếu qua chế định Nghị viện nhân dân. Tổ chức và hoạt động của Chính phủ, cũng như mối quan hệ giữa Nghị viện và Chính phủ trong Hiến pháp năm 1946 cho thấy sự ảnh

⁵ Thậm chí có thể phân loại thành một dạng cộng hòa tổng thống có Thủ tướng.

hưởng sâu sắc từ Hiến pháp năm 1875 của Pháp. Đó cũng là lý do Hiến pháp năm 1946 của nước ta có những dáng dấp giống với mô hình “hành pháp lưỡng đầu” trong chính thể hỗn hợp - vốn cũng chịu ảnh hưởng từ Hiến pháp năm 1875 của Pháp. Vì vậy, khi nói đến hình thức chính thể của Hiến pháp năm 1946, tác giả cho rằng có thể nhận định theo 02 hướng:

Một là, nếu tiếp cận dưới góc độ các hình thức chính thể hiện đại, thì hình thức chính thể trong Hiến pháp năm 1946 là một loại chính thể hỗn hợp có sự pha trộn đặc điểm của các hình thức cộng hòa tổng thống và cộng hòa đại nghị. Nhưng cần khẳng định đó không phải là mô hình cộng hòa hỗn hợp hay cộng hòa bán tổng thống của Pháp hay Nga bây giờ.

Hai là, nếu tiếp cận dưới góc độ các hình thức chính thể tồn tại ở thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX có ảnh hưởng đến Hiến pháp năm 1946, thì hình thức chính thể trong Hiến pháp năm 1946 là cộng hòa đại nghị nhị nguyên - một hình thức chính thể đã không còn tồn tại ở ngày nay.

Tài liệu tham khảo

- [1] N. D. Dung, The 1946 Constitution with the Construction of a Democratic State and the Resistance War for Independence, The 1946 Constitution - Historical Values, National Political Publishing House, 2017, pp. 42.
- [2] H. T. H. Nhiên, Semi-Presidential System: A Comparative Research on the 1958 French Constitution and the 1946 Vietnamese Constitution, Journal of Democracy and Law, 2024, <https://danchuphapluat.vn/chinh-the-cong-hoa-hon-hop-goc-nhin-so-sanh-tu-hien-phap-cong-hoa-phap-nam-1958-va-hien-phap-viet-nam-nam-1946-600.html>, (accessed on: April 16th, 2025).
- [3] School of Law, Vietnam National University, Textbook of Vietnamese Constitutional Law, Vietnam National University Press, 2023, pp. 74 - 75, 91 - 92.
- [4] Hanoi Law University, Textbook of Vietnamese Constitutional Law, People's Police Publishing House, 2019, pp. 68.
- [5] Ho Chi Minh University of Law, Textbook of Vietnamese Constitutional Law, Hong Duc Publishing House, 2023, pp. 89.
- [6] N. D. Dung, The values of the 1946 Constitution on the Organizational Model and its Application to the Current State Apparatus Reform, Promoting the Historical, Political and Legal Values of the 1946 Constitution in the Current Innovation Process, National Political Publishing House, 2009, <https://quochoi.vn/tulieuquochoi/anpham/Pages/anpham.aspx?AnPhamItemID=262>, (accessed on: April 16th, 2025).
- [7] Hanoi Law University, Textbook of Vietnamese Constitutional Law, People's Police Publishing House, 2019, pp. 136.
- [8] V. H. Anh, Forms of Government of Countries in the World, Journal of Legal Studies, No. 4, 1998, pp. 40 - 47.
- [9] L. Jakubiak, The “Grévy Constitution” and the “de Gaulle Constitution”: Two Directions for the Relocation of Presidential Power in the Constitutional History of France, *Krakowskie Studia z Historii Państwa i Prawa - Special Issue*, 2023, pp. 90 - 97.
- [10] L. Jakubiak, The Parliamentary Genesis of the French Semi - Presidentialism Against the Background of the Process of Presidentialisation of the Fifth Republic, *Politeja* 15 (2(53), 2018, pp. 206.
- [11] R. Elgie, Semi-Presidentialism, in Robert Elgie, Sophia Moestrup, Wu Yu-Shan (ed.), *Presidentialism and Democracy*, Palgrave Macmillan, 2011, pp. 5.
- [12] L. V. Sung, Marxism - Leninism on the form of Socialist Republic Government, *Political Theory Journal*, No. 6, 2013, pp. 4.
- [13] K. Marx, The Civil War in France, The Third Address: The Paris Commune, 1871, <https://www.marxists.org/archive/marx/works/1871/civil-war-france/ch05.htm>, (accessed on April: 16th, 2025).
- [14] V. L. H. Giang, Legislation on Recall of Members of Parliament in The United Kingdom and Experiences for Vietnam, *VNU Journal of Science: Legal Studies*, Vol. 37, No. 3, 2021, pp. 3.
- [15] N. T. Huong, Study on the Constitution of 1946: Should Recognize Both Advantages and Drawbacks, *The Spark Magazine*, 2011, <https://tiasang.com.vn/dien-dan/hoc-tu-hien-phap-1946-can-nhin-nhan-ca-uu-diem-va-han-che-4708/>, (accessed on: April 16th, 2025).
- [16] Hanoi Law University, Textbook of Foreign Constitutional Law, People's Police Publishing House, 2021, pp. 82.
- [17] B. X. Duc, Vietnamese State Apparatus in the 1946 Constitution, *The 1946 Constitution - Historical*

- Values, National Political Publishing House, 2017, pp. 146 - 148.
- [18] K. Takahashi, Contemporary democracy in a parliamentary system, *Law and Contemporary Problems*, Vol. 53: No.1, 1990, pp. 107.
- [19] K. Loewenstein, Demise of the French Constitution of 1875, *The American Political Science Review*, Vol. XXXIV, No. 5, 1940, pp. 872, 895.
- [20] R. K. Gooch (1935). Constitutional Reform in France. *The American Political Science Review*, 29(1), pp. 86 - 87.
- [21] F. Goguel, Political Instability in France, *Foreign Affairs*, 1954, <https://www.foreignaffairs.com/articles/france/1954-10-01/political-instability-france>, (accessed on: April 16th, 2025).
- [22] P. H. Tung, Establishing the Regime of the Democratic Republic - The Great Achievement of August Revolution in 1945, *Journal of Vietnam Communist Party's History*, 2023, <https://tapchilichsudang.vn/xac-lap-che-do-cong-hoa-dan-chu-mot-thanh-tuu-vi-dai-cua-cach-mang-thang-tam-nam-1945.html>, (accessed on: April 16th, 2025).
- [23] T. T. M. Thùy, V. L. H. Giang, Three Popular Vote of No-Confidence Models in the World and Experiences for Vietnam, *Journal of Legal Studies*, No. 6/2023, pp. 20.
- [24] Jörgmichaeldostal, South Korea: The Lasting Pitfalls of the “Imperial Presidency”, *The Political Quarterly*, Vol. 94, No. 1, 2023, pp. 58 - 60.